



hái gǔ
骸骨

noun · skeleton; bones of the dead

Example Sentence

kǎo gǔ xué jiā zài shā mò zhōng fā xiàn le yí jù gǔ dài hái gǔ
考古学家在沙漠中发现了一具古代骸骨。

Archaeologists discovered an ancient skeleton
in the desert.

Trace each character, then write the word on your own.

骸	骸	骸	骸	骸	骸	骸	骸	骸	骸	骸
骸	骸	骸	骸	骸	骸	骸				

骨	骨	骨	骨	骨	骨	骨	骨	骨	骨	骨
骨										
